

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/7/2013 của TGD SGDCCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 331 /VTSPK-TCKT

V/v: CBTT Báo cáo Tài chính năm 2015 đã
kiểm toán trên cổng thông tin điện tử của
UBCKNN và SGDCCK TPHCM.

TP. HCM, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE)

Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế
Mã chứng khoán : GSP
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : 08 222 05388 Fax: 08 222 05366
Người thực hiện CBTT: Ông Đỗ Đức Hùng.
Địa chỉ : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : 08 222 05388
Loại thông tin công bố: Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo Tài chính năm 2015 đã kiểm toán.

Công ty CP Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế công bố thông tin Báo cáo Tài chính năm 2015 đã kiểm toán, bao gồm:

1. Báo cáo Tài chính riêng : 28 trang (Bao gồm 01 trang bìa).
2. Báo cáo Tài chính Hợp nhất : 35 trang (Bao gồm 01 trang bìa).
3. Công văn số 330/VTSPK-TCKT ngày 22/3/2016 giải trình biến động của BCTC năm 2015 đã được kiểm toán so với trước kiểm toán.

Đồng thời Báo cáo Tài chính năm 2015 đã kiểm toán cũng đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/3/2016 tại đường dẫn <http://gasshipping.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT,TCKT(1b)

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Đỗ Đức Hùng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 330 /VTSPK-TCKT

Tp. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2016

V/v: Giải trình biến động của Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2015 so với trước khi kiểm toán.

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE)

Căn cứ quy định của Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012, về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Số liệu Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2015 đối với Kết quả kinh doanh, Bảng cân đối kế toán và Lưu chuyển tiền tệ có sự biến động so với trước kiểm toán.

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping) xin được giải trình như sau:

I/ Đối với BCTC hợp nhất:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

- Lợi nhuận trước thuế tăng 9,2 triệu đồng so với trước kiểm toán do: Ghi nhận bổ sung 769 triệu đồng doanh thu và 759,7 triệu đồng giá vốn thuê tàu chuyển thực hiện dở dang từ cuối năm 2015 sang năm 2016 của công ty mẹ.
- 2. Tổng tài sản trên Bảng cân đối kế toán biến động tăng 769 triệu đồng so với trước kiểm toán nguyên nhân do bút toán điều chỉnh doanh thu ở trên đối ứng với tài khoản công nợ.
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:
 - Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 175 triệu đồng chủ yếu do biến động của tăng lợi nhuận, đồng thời phân loại và xác định lại các biến động tăng giảm phải thu phải trả sau khi loại trừ nội bộ.
 - Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư và dòng tiền từ hoạt động tài chính biến động không đáng kể so với trước kiểm toán..

II/ Đối với BCTC Công ty mẹ:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

- Ảnh hưởng kết quả kinh doanh của công ty mẹ cũng ảnh hưởng chính đến kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng.
- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ tăng 9,2 triệu đồng trước kiểm toán do các nguyên nhân như giải trình ở phần hợp nhất.
- 2. Tổng tài sản trên Bảng cân đối kế toán biến động tăng 769 triệu đồng so với trước kiểm toán nguyên nhân do bút toán điều chỉnh doanh thu ở trên đối ứng với tài khoản công nợ.



3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

- Ảnh hưởng báo cáo lưu chuyển tiền tệ công ty mẹ cũng ảnh hưởng chính đến lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tương ứng.

Theo trên là những ý kiến giải trình của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế kính chuyên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM xem xét.

Rất mong được sự hỗ trợ và giúp đỡ của Quý Cơ quan.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (đề b/c);
- Lưu: VT, TCKT(1b)

GIÁM ĐỐC *u*



Nguyễn Duyên Hiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 - 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 8 - 26 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-----------------------|--|
| Ông Nguyễn Tài Cương | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Anh Minh | Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Nguyễn Duyên Hiếu | Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Vũ Văn Đức | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thế Anh | Thành viên |
| Ông Hồ Sĩ Thuận | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|-----------------------|--|
| Ông Nguyễn Anh Minh | Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Nguyễn Duyên Hiếu | Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015) |
| Ông Vũ Văn Đức | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thế Anh | Phó Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Duyên Hiếu
Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Số: 498 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 11 và số 16 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó trình bày sự thay đổi từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được tiếp tục ghi nhận như trước đây, số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng với số tiền là 10.978.611.643 đồng và số dư dự phòng phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm với số tiền là 14.224.138.247 đồng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm với số tiền là 25.202.749.890 đồng và lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Quốc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 317.089.601.113 | 244.972.111.745 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 55.523.052.464 | 31.874.550.816 |
| 1. Tiền | 111 | | 45.523.052.464 | 21.874.550.816 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 210.000.000.000 | 175.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 6 | 210.000.000.000 | 175.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 42.901.876.197 | 26.244.153.232 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 34.003.252.738 | 22.474.402.732 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 552.397.147 | 53.847.940 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 8.346.226.312 | 3.715.902.560 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 6.562.537.515 | 9.891.445.921 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 6.562.537.515 | 9.891.445.921 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.102.134.937 | 1.961.961.776 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11 | 2.102.134.937 | 1.961.961.776 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 139.060.561.347 | 173.022.378.813 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 870.000.000 | 870.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 870.000.000 | 870.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 83.641.074.174 | 101.924.110.660 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 83.610.686.674 | 101.924.110.660 |
| - Nguyên giá | 222 | | 272.005.053.932 | 271.703.700.750 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (188.394.367.258) | (169.779.590.090) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 30.387.500 | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 295.570.550 | 262.420.550 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (265.183.050) | (262.420.550) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 54.549.487.173 | 54.549.487.173 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 6 | 54.549.487.173 | 54.549.487.173 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | 15.678.780.980 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | - | 15.678.780.980 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 456.150.162.460 | 417.994.490.558 |

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 86.462.411.161 | 63.280.977.154 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 77.628.715.648 | 40.831.977.154 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 12 | 33.822.156.195 | 16.721.529.607 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 13 | 3.562.357.822 | 947.644.939 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 7.660.963.419 | 2.294.328.435 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 1.108.462.632 | 3.168.651.178 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 14 | 1.499.410.397 | 1.434.790.847 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 15 | 15.778.000.000 | 14.966.000.000 |
| 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 16 | 13.279.442.734 | - |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 917.922.449 | 1.299.032.148 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 8.833.695.513 | 22.449.000.000 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 15 | 7.889.000.000 | 22.449.000.000 |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 16 | 944.695.513 | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 369.687.751.299 | 354.713.513.404 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 17 | 369.687.751.299 | 354.713.513.404 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 1.709.511.521 | 1.709.511.521 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 15.217.303.346 | 13.787.698.306 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 52.760.936.432 | 39.216.303.577 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 219.093.497 | 10.624.202.785 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 52.541.842.935 | 28.592.100.792 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 456.150.162.460 | 417.994.490.558 |



Phan Văn Long
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2015 | 2014 |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 599.034.503.497 | 468.571.383.548 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01) | 10 | 20 | 599.034.503.497 | 468.571.383.548 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 21 | 521.643.715.829 | 426.407.313.127 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 77.390.787.668 | 42.164.070.421 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 23 | 23.746.130.281 | 18.974.099.288 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 24 | 2.853.921.816 | 2.371.327.401 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 1.167.942.090 | 1.606.438.125 |
| 7. Chi phí bán hàng | 25 | 25 | 3.004.718.156 | 196.891.017 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 25 | 29.229.774.191 | 23.852.013.376 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)) | 30 | | 66.048.503.786 | 34.717.937.915 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 1.655.054.919 | - |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 231.256.364 | 318.600.000 |
| 12. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 1.423.798.555 | (318.600.000) |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 67.472.302.341 | 34.399.337.915 |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 26 | 14.930.459.406 | 5.807.237.123 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) | 60 | | 52.541.842.935 | 28.592.100.792 |

Phan Văn Long
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2015 | 2014 |
|---|--------------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| <i>1. Lợi nhuận trước thuế</i> | <i>01</i> | <i>67.472.302.341</i> | <i>34.399.337.915</i> |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 18.617.539.668 | 28.742.207.029 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 14.224.138.247 | - |
| - Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 1.326.232.816 | 568.829.994 |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (23.685.937.549) | (18.936.568.142) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 1.167.942.090 | 1.606.438.125 |
| <i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | <i>08</i> | <i>79.122.217.613</i> | <i>46.380.244.921</i> |
| - (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | (13.463.125.743) | 4.334.489.910 |
| - Giảm/(tăng) hàng tồn kho | 10 | 3.328.908.406 | (3.884.422.186) |
| - Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 20.794.298.689 | (13.270.574.583) |
| - Giảm chi phí trả trước | 12 | 15.538.607.819 | 20.465.799.833 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (1.099.896.780) | (1.674.483.435) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (12.233.355.303) | (8.041.479.624) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 140.757.894 | 1.722.263.565 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (2.075.648.092) | (2.066.733.408) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 90.052.764.503 | 43.965.104.993 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định | 21 | (334.503.182) | (402.490.000) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (150.000.000.000) | (195.000.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 115.000.000.000 | 175.000.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay và cổ tức được chia | 27 | 20.353.340.327 | 18.191.304.956 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (14.981.162.855) | (2.211.185.044) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (15.423.100.000) | (14.812.150.000) |
| 2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (36.000.000.000) | (36.000.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (51.423.100.000) | (50.812.150.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | 23.648.501.648 | (9.058.230.051) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 31.874.550.816 | 40.932.710.861 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | 70.006 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 55.523.052.464 | 31.874.550.816 |



Phan Văn Long
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 141 người (31 tháng 12 năm 2014: 148 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ cho thuê tàu biển, kinh doanh vận tải biển; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; giáo dục nghề nghiệp; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng khí và các sản phẩm có liên quan; bán buôn chuyên doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một công ty con: Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|---------------------|---------------|
| Máy móc, thiết bị | 3 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 5 |
| Phương tiện vận tải | 5 - 12 |

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thuê văn phòng, bảo hiểm và các khoản chi phí khác thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tiền mặt | 63.606.187 | 194.829.210 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 45.459.446.277 | 21.679.721.606 |
| Các khoản tương đương tiền | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| | <u>55.523.052.464</u> | <u>31.874.550.816</u> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn ba tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng là 4,5% (31 tháng 12 năm 2014: 5,3%).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: | | | | |
| Tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn (*) | 210.000.000.000 | 210.000.000.000 | 175.000.000.000 | 175.000.000.000 |

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|------------------------------------|----------------|------------|----------------|------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: | | | | |
| Đầu tư vào công ty con | 54.549.487.173 | - | 54.549.487.173 | - |

(*) Tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu tháng đến 01 năm tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 5,6% - 6,8% (31 tháng 12 năm 2014: Lãi suất hàng năm được hưởng từ 5,3% - 7,3%).

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

| Tên công ty con | Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%) | Hoạt động chính |
|--------------------------------------|---|--------------------------|--|---|
| | | | | |
| Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt | Thành phố Hồ Chí Minh | 51% | 51% | Vận tải và kinh doanh khí hóa lỏng, xăng dầu |

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba | | |
| Công ty TNHH Sellan Gas | 7.133.233.800 | - |
| b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan | | |
| Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn | 19.585.133.217 | 18.156.637.764 |
| Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng | 7.284.885.721 | 4.317.764.968 |
| Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | <u>34.003.252.738</u> | <u>22.474.402.732</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. PHẢI THU KHÁC**

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| a. Ngắn hạn | | |
| - Phải thu người lao động | 530.648.000 | 212.841.785 |
| - Ký cược, ký quỹ | 11.000.000 | 6.000.000 |
| - Lãi tiền gửi phải thu | 6.513.013.889 | 3.180.416.667 |
| - Phải thu khác | 1.291.564.423 | 316.644.108 |
| | <u>8.346.226.312</u> | <u>3.715.902.560</u> |
| b. Dài hạn | | |
| - Ký cược, ký quỹ | 870.000.000 | 870.000.000 |
| | <u>870.000.000</u> | <u>870.000.000</u> |

9. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|-----------------------|-----------------------------|------------------------|-----------------------------|------------------------|
| | Giá gốc <u>VND</u> | Dự phòng <u>VND</u> | Giá gốc <u>VND</u> | Dự phòng <u>VND</u> |
| Nguyên liệu, vật liệu | 6.534.271.726 | - | 9.767.611.251 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 28.265.789 | - | 123.834.670 | - |
| | <u>6.562.537.515</u> | <u>-</u> | <u>9.891.445.921</u> | <u>-</u> |

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Máy móc, thiết bị <u>VND</u> | Thiết bị văn phòng <u>VND</u> | Phương tiện vận tải <u>VND</u> | Tổng cộng <u>VND</u> |
|-------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 5.893.625.449 | 301.081.612 | 265.508.993.689 | 271.703.700.750 |
| Tăng trong năm | - | 301.353.182 | - | 301.353.182 |
| Tại ngày 31/12/2015 | <u>5.893.625.449</u> | <u>602.434.794</u> | <u>265.508.993.689</u> | <u>272.005.053.932</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | (3.309.712.265) | (245.432.771) | (166.224.445.054) | (169.779.590.090) |
| Khấu hao trong năm | (1.088.953.315) | (83.775.167) | (17.442.048.686) | (18.614.777.168) |
| Tại ngày 31/12/2015 | <u>(4.398.665.580)</u> | <u>(329.207.938)</u> | <u>(183.666.493.740)</u> | <u>(188.394.367.258)</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 31/12/2015 | <u>1.494.959.869</u> | <u>273.226.856</u> | <u>81.842.499.949</u> | <u>83.610.686.674</u> |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>2.583.913.184</u> | <u>55.648.841</u> | <u>99.284.548.635</u> | <u>101.924.110.660</u> |

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thế chấp tàu Sài Gòn Gas với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 133.096.847.966 đồng và 63.775.572.983 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 133.096.847.966 đồng và 80.412.678.980 đồng) làm đảm bảo cho khoản vay đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 72.336.249.456 đồng (31 tháng 12 năm 2015: 70.865.829.456 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| a. Ngắn hạn | | |
| Chi phí bảo hiểm, công cụ và dụng cụ | 2.102.134.937 | 1.961.961.776 |
| | <u>2.102.134.937</u> | <u>1.961.961.776</u> |
| b. Dài hạn | | |
| Chi phí sửa chữa tàu (*) | - | 15.678.780.980 |
| | <u>-</u> | <u>15.678.780.980</u> |

(*) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn định kỳ của tài sản cố định từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí, theo đó, chi phí sửa chữa tàu được phân bổ hết vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Nếu việc phân bổ chi phí sửa chữa lớn này được thực hiện như trước đây, số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng và giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm với số tiền là 10.978.611.643 đồng, theo đó, lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng là 10.978.611.643 đồng.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|--|-----------------------|--|-----------------------|--|
| | Giá trị <u>VND</u> | Số có khả năng trả nợ <u>VND</u> | Giá trị <u>VND</u> | Số có khả năng trả nợ <u>VND</u> |
| a. Phải trả người bán là bên thứ ba | | | | |
| - Công ty Cổ phần Năng lượng Đất Việt | 7.126.725.650 | 7.126.725.650 | - | - |
| - Công ty TNHH Thương mại Quỳnh Anh | - | - | 2.125.512.930 | 2.125.512.930 |
| - Phải trả cho các đối tượng khác | 7.953.309.944 | 7.953.309.944 | 1.571.729.792 | 1.571.729.792 |
| b. Phải trả người bán là các bên liên quan | | | | |
| - Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt | 15.578.311.508 | 15.578.311.508 | 9.442.575.711 | 9.442.575.711 |
| - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình Dương | 994.536.870 | 994.536.870 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng | 831.600.000 | 831.600.000 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Hà Nội | 764.349.094 | 764.349.094 | 404.578.611 | 404.578.611 |
| - Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu | 275.869.140 | 275.869.140 | 279.932.598 | 279.932.598 |
| - Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam | 106.770.258 | 106.770.258 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi | 88.801.631 | 88.801.631 | 119.325.765 | 119.325.765 |
| - Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch Vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long | 32.243.500 | 32.243.500 | 33.255.000 | 33.255.000 |
| - Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương | 15.758.600 | 15.758.600 | - | - |
| - Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 53.880.000 | 53.880.000 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt | - | - | 2.744.619.200 | 2.744.619.200 |
| | <u>33.822.156.195</u> | <u>33.822.156.195</u> | <u>16.721.529.607</u> | <u>16.721.529.607</u> |

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2015 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | 31/12/2015 |
|----------------------------|--------------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Thuế giá trị gia tăng | 472.722.048 | 15.172.050.926 | 15.488.535.484 | 156.237.490 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 414.381.480 | 14.930.459.406 | 12.233.355.303 | 3.111.485.583 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 60.541.411 | 1.248.158.253 | 1.014.064.915 | 294.634.749 |
| | <u>947.644.939</u> | <u>31.350.668.585</u> | <u>28.735.955.702</u> | <u>3.562.357.822</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Kinh phí công đoàn | 22.754.476 | - |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.393.668.258 | 1.352.236.847 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 58.410.000 | 58.410.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 24.577.663 | 24.144.000 |
| | <u>1.499.410.397</u> | <u>1.434.790.847</u> |

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 31/12/2014 | | Trong năm | | 31/12/2015 | |
|-------------|-----------------------|--|--------------------|--------------------|-----------------------|--|
| | Giá trị <u>VND</u> | Số có khả năng trả nợ <u>VND</u> | Tăng <u>VND</u> | Giảm <u>VND</u> | Giá trị <u>VND</u> | Số có khả năng trả nợ <u>VND</u> |
| Vay dài hạn | <u>37.415.000.000</u> | <u>37.415.000.000</u> | 1.675.100.000 | 15.423.100.000 | <u>23.667.000.000</u> | <u>23.667.000.000</u> |

Vay dài hạn thể hiện khoản vay dài hạn đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 5.384.512 Đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 5,5% trong sáu tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và bằng tổng bình quân lãi suất tiết kiệm bằng Đô la Mỹ của cả nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng tham khảo được quy định trong hợp đồng cộng 3%. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty (Tàu Sài Gòn Gas) (xem Thuyết minh số 10).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Trong vòng một năm | 15.778.000.000 | 14.966.000.000 |
| Trong năm thứ hai | 7.889.000.000 | 14.966.000.000 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | - | 7.483.000.000 |
| | <u>23.667.000.000</u> | <u>37.415.000.000</u> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | <u>15.778.000.000</u> | <u>14.966.000.000</u> |
| Số phải trả sau 12 tháng | <u>7.889.000.000</u> | <u>22.449.000.000</u> |

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng
chi phí sửa chữa
tàu định kỳ
VND

| | |
|--------------------------------------|------------------------------|
| Tại ngày 01/01/2015 | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | 14.224.138.247 |
| Tại ngày 31/12/2015 | <u>14.224.138.247</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

31/12/2015

VND**Chi tiết:**

| | |
|---------------|-----------------------|
| - Nợ ngắn hạn | 13.279.442.734 |
| - Nợ dài hạn | 944.695.513 |
| | 14.224.138.247 |

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 11 - Chi phí trả trước, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn định kỳ của tài sản cố định từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi này sẽ phù hợp hơn với dự toán và kế hoạch sửa chữa lớn tàu định kỳ và tạo ra đủ nguồn tiền cho các kế hoạch sửa chữa này. Nếu Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn này được thực hiện giống như trước đây, số dư dự phòng phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm với số tiền là 14.224.138.247 đồng, theo đó, lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng là 14.224.138.247 đồng.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|----------------------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| | <u>Số cổ phần</u> | <u>VND</u> | <u>Số cổ phần</u> | <u>VND</u> |
| Được phép phát hành | 30.000.000 | 300.000.000.000 | 30.000.000 | 300.000.000.000 |
| Đã phát hành và góp vốn đủ | 30.000.000 | 300.000.000.000 | 30.000.000 | 300.000.000.000 |

Cổ phần

| | <u>31/12/2015</u> | <u>31/12/2014</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| - Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng | | |
| + Cổ phần phổ thông | 30.000.000 | 30.000.000 |
| - Số lượng cổ phần đang lưu hành | | |
| + Cổ phần phổ thông | 30.000.000 | 30.000.000 |

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu VND</u> | <u>Vốn khác của chủ sở hữu VND</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển VND</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</u> | <u>Tổng VND</u> |
|--|-----------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|--|------------------|
| Tại ngày 01/01/2014 | 300.000.000.000 | 1.709.511.521 | 11.542.248.184 | 51.653.103.029 | 364.904.862.734 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 28.592.100.792 | 28.592.100.792 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 2.245.450.122 | (5.028.900.244) | (2.783.450.122) |
| Chia cổ tức | - | - | - | (36.000.000.000) | (36.000.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2014 | 300.000.000.000 | 1.709.511.521 | 13.787.698.306 | 39.216.303.577 | 354.713.513.404 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 52.541.842.935 | 52.541.842.935 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (1) | - | - | 1.429.605.040 | (1.429.605.040) | - |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1) | - | - | - | (1.429.605.040) | (1.429.605.040) |
| Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách (1) | - | - | - | (138.000.000) | (138.000.000) |
| Chia cổ tức (2) | - | - | - | (36.000.000.000) | (36.000.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2015 | 300.000.000.000 | 1.709.511.521 | 15.217.303.346 | 52.760.936.432 | 369.687.751.299 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (1) Đây là số trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2015.
- (2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2015, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2014 với số tiền là 36.000.000.000 đồng.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|--------------------------------------|------------------------|------|------------------------|------|
| | VND | % | VND | % |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | 203.209.000.000 | 67,7 | 203.209.000.000 | 67,7 |
| Cổ đông khác | 96.791.000.000 | 32,3 | 96.791.000.000 | 32,3 |
| Tổng cộng | 300.000.000.000 | | 300.000.000.000 | |

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--------------------|------------|------------|
| - Đô la Mỹ ("USD") | 300,78 | 252,04 |

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế là cung cấp dịch vụ vận tải khí hóa lỏng, chủ yếu được thực hiện từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến các tỉnh lân cận. Bên cạnh đó, doanh thu bán hàng phát sinh là do Công ty bán dầu cho đối tác từ việc cho thuê tàu định hạn. Đây là doanh thu không thường xuyên, chỉ chiếm 9.5% trong tổng doanh thu của Công ty trong năm 2015 và 0.5% trong năm 2014. Công ty cũng chưa tổ chức cơ cấu theo các bộ phận. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2015 | 2014 |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng | 44.444.508.789 | 2.224.197.618 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 554.589.994.708 | 466.347.185.930 |
| | 599.034.503.497 | 468.571.383.548 |

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | 2015 | 2014 |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 44.022.026.670 | 2.224.197.618 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 477.621.689.159 | 424.183.115.509 |
| | 521.643.715.829 | 426.407.313.127 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

| | 2015 | 2014 |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu | 119.223.727.881 | 91.930.213.157 |
| Chi phí nhân công | 41.726.987.376 | 35.341.365.470 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 18.617.539.668 | 28.742.207.029 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 307.662.806.452 | 269.270.625.289 |
| Chi phí khác | 22.625.120.129 | 22.947.608.957 |
| | <u>509.856.181.506</u> | <u>448.232.019.902</u> |

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2015 | 2014 |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 13.100.748.140 | 10.933.762.605 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 10.585.189.409 | 8.002.805.537 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 60.192.732 | 37.531.146 |
| | <u>23.746.130.281</u> | <u>18.974.099.288</u> |

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2015 | 2014 |
|----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí lãi vay | 1.167.942.090 | 1.606.438.125 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 1.685.979.726 | 764.889.276 |
| | <u>2.853.921.816</u> | <u>2.371.327.401</u> |

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2015 | 2014 |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | | |
| - Chi phí lương quản lý | 13.643.433.222 | 10.806.089.150 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.733.409.518 | 10.012.027.099 |
| - Chi phí khác | 2.852.931.451 | 3.033.897.127 |
| | <u>29.229.774.191</u> | <u>23.852.013.376</u> |
| Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm | | |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.004.718.156 | 196.891.017 |
| | <u>3.004.718.156</u> | <u>196.891.017</u> |

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 2015 | 2014 |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 14.930.459.406 | 5.807.237.123 |
| | <u>14.930.459.406</u> | <u>5.807.237.123</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

| | 2015 | 2014 |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận trước thuế | 67.472.302.341 | 34.399.337.915 |
| <i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i> | <i>(10.585.189.409)</i> | <i>(8.002.805.537)</i> |
| <i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i> | <i>10.978.611.643</i> | <i>-</i> |
| Thu nhập chịu thuế suất thông thường 22% | <u>67.865.724.575</u> | <u>26.396.532.378</u> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | <u>14.930.459.406</u> | <u>5.807.237.123</u> |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

| | 2015 | 2014 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm | <u>3.547.468.335</u> | <u>3.914.640.965</u> |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 3.715.795.504 | 3.933.992.004 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | <u>517.800.000</u> | <u>2.860.180.299</u> |
| | <u>4.233.595.504</u> | <u>6.794.172.303</u> |

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho việc thuê xe từ ngày 26 tháng 01 năm 2014 đến ngày 23 tháng 5 năm 2018, thuê kho từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và thuê văn phòng tại lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo**Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Các khoản vay | 23.667.000.000 | 37.415.000.000 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | 55.523.052.464 | 31.874.550.816 |
| Nợ thuần | - | 5.540.449.184 |
| Vốn chủ sở hữu | 369.687.751.299 | 354.713.513.404 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | - | 0,02 |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 55.523.052.464 | 31.874.550.816 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 41.397.266.627 | 26.536.819.399 |
| Các khoản đầu tư tài chính | 210.000.000.000 | 175.000.000.000 |
| Tổng cộng | 306.920.319.091 | 233.411.370.215 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 23.667.000.000 | 37.415.000.000 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 35.298.812.116 | 18.156.320.454 |
| Chi phí phải trả | 1.108.462.632 | 3.168.651.178 |
| Tổng cộng | 60.074.274.748 | 58.739.971.632 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo****Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

| | Tài sản | | Công nợ | |
|----------------|------------|------------|----------------|----------------|
| | 31/12/2015 | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Đô la Mỹ (USD) | 6.752.511 | 5.388.615 | 23.667.000.000 | 37.415.000.000 |

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ.

Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 473.204.950 đồng (năm 2014: 748.192.228 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của khoản vay của Công ty (xem Thuyết minh số 15) đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi của khoản vay này tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 236.670.000 đồng (năm 2014: 374.150.000 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

| 31/12/2015 | Dưới 1 năm <u>VND</u> | Từ 1 - 5 năm <u>VND</u> | Tổng <u>VND</u> |
|--------------------------------------|--------------------------|----------------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 55.523.052.464 | - | 55.523.052.464 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 40.527.266.627 | 870.000.000 | 41.397.266.627 |
| Các khoản đầu tư tài chính | 210.000.000.000 | - | 210.000.000.000 |
| | 306.050.319.091 | 870.000.000 | 306.920.319.091 |
| Các khoản vay | 15.778.000.000 | 7.889.000.000 | 23.667.000.000 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 35.298.812.116 | - | 35.298.812.116 |
| Chi phí phải trả | 1.108.462.632 | - | 1.108.462.632 |
| | 52.185.274.748 | 7.889.000.000 | 60.074.274.748 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 253.865.044.343 | (7.019.000.000) | 246.846.044.343 |
| 31/12/2014 | Dưới 1 năm <u>VND</u> | Từ 1 - 5 năm <u>VND</u> | Tổng <u>VND</u> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 31.874.550.816 | - | 31.874.550.816 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 25.666.819.399 | 870.000.000 | 26.536.819.399 |
| Các khoản đầu tư tài chính | 175.000.000.000 | - | 175.000.000.000 |
| | 232.541.370.215 | 870.000.000 | 233.411.370.215 |
| Các khoản vay | 14.966.000.000 | 22.449.000.000 | 37.415.000.000 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 18.156.320.454 | - | 18.156.320.454 |
| Chi phí phải trả | 3.168.651.178 | - | 3.168.651.178 |
| | 36.290.971.632 | 22.449.000.000 | 58.739.971.632 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 196.250.398.583 | (21.579.000.000) | 174.671.398.583 |

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

| | |
|--|---|
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | Công ty mẹ |
| Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu - Chi nhánh Tổng | Chi nhánh của Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt | Cùng chủ sở hữu |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội | (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí) |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu | Cùng chủ sở hữu |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi | (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí) |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long | Cùng chủ sở hữu |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương | (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí) |
| Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng | Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn | Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Bên liên quan (tiếp theo)**

Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam

Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu

Công ty Cổ phần Đông mới & Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch

Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần

Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt

Mối quan hệ (tiếp theo)

Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty thuộc Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Cùng chủ sở hữu (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Cho thuê tàu | | |
| Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí – Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần | 224.587.780.241 | 43.007.023.913 |
| Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn | 319.758.234.747 | 143.790.161.484 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt | 9.432.189.245 | 19.010.880.000 |
| Bán nhiên liệu khí on-hire | | |
| Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt | - | 2.188.952.818 |
| Thuê tàu và mua nhiên liệu | | |
| Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt | 192.706.860.741 | 97.610.853.856 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Mua dịch vụ đại lý tàu và mua nhiên liệu**

| | | |
|--|----------------|----------------|
| Công ty CP Vận tải dầu Phương Đông Việt | 462.114.545 | 15.107.011.902 |
| Công ty CP Vận tải dầu Phương Đông Việt- Hải Phòng | 12.136.345.454 | 421.865.146 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội | 4.475.765.592 | 814.226.269 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu | 4.898.033.936 | - |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi | 4.072.061.057 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 7.078.925.936 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 5.914.984.082 | - |
| Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Thái Bình | 18.097.562.306 | - |
| Công ty TNHH MTV kiểm định kỹ thuật an toàn dầu khí Việt Nam | 198.510.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cừ Long | 219.782.955 | - |
| Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí – Chi nhánh Tổng | 680.291.150 | - |
| Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần | | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng | 10.817.593.937 | - |

Thuê xe và mua nhiên liệu

| | | |
|---|-------------|-------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương | 132.889.490 | 36.554.175 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cừ Long | 602.748.918 | 876.225.034 |

Mua dịch vụ bảo hiểm

| | | |
|-----------------------------------|---------------|---------------|
| Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam | 5.062.798.162 | 2.914.068.814 |
| Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu | - | 247.456.000 |

Mua dịch vụ giám định và vật tư an toàn

| | | |
|--|-------------|-------------|
| Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 213.967.818 | 19.500.000 |
| Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam | - | 281.044.000 |

Chi phí sửa chữa tàu

| | | |
|--|---|---------------|
| Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | - | 328.750.000 |
| Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch | - | 1.622.053.877 |

Mua sơn bảo dưỡng

| | | |
|--------------------------------------|---------------|-------------|
| Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam | 1.493.753.428 | 963.016.350 |
|--------------------------------------|---------------|-------------|

Mua dịch vụ cung ứng thuyền viên

| | | |
|--|---|-------------|
| Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | - | 590.496.264 |
|--|---|-------------|

Nhận cổ tức

| | | |
|-----------------------------------|----------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt | 10.585.189.409 | 8.002.805.537 |
|-----------------------------------|----------------|---------------|

Cổ tức đã công bố và chi trả

| | | |
|--------------------------------------|----------------|----------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | 36.000.000.000 | 24.385.080.000 |
|--------------------------------------|----------------|----------------|

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Lương | 2.755.544.226 | 2.233.876.095 |
| Tiền thưởng | 292.225.000 | 144.000.000 |
| | 3.047.769.226 | 2.377.876.095 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị: VND

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC**Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC****Thay đổi**

| Chỉ tiêu | Mã số | 31/12/2014 | Chỉ tiêu | Mã số | 31/12/2014 | Thay đổi |
|---|-------|-----------------|---|-------|-----------------|----------------------------|
| I. Tài sản | | | | | | |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 175.000.000.000 | 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - Phân loại lại và đổi tên |
| <i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i> | | | - 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 175.000.000.000 | Phân loại lại và đổi tên |
| 3. Phải thu khách hàng | 131 | 22.474.402.732 | 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 22.474.402.732 | Đổi tên |
| 4. Trả trước cho người bán | 132 | 53.847.940 | 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 53.847.940 | Đổi tên |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | 3.497.060.775 | 5. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 3.715.902.560 | Phân loại lại và đổi tên |
| 6. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 218.841.785 | 6. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - Phân loại lại |
| 7. Phải thu dài hạn khác | 218 | | 7. Phải thu dài hạn khác | 216 | 870.000.000 | Phân loại lại và đổi tên |
| 8. Tài sản dài hạn khác | 268 | 870.000.000 | 8. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - Phân loại lại |
| II. Nguồn vốn | | | | | | |
| 1. Phải trả người bán | 312 | 16.721.529.607 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16.721.529.607 | Đổi tên |
| 2. Chi phí phải trả | 316 | 3.168.651.178 | 2. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 3.168.651.178 | Đổi tên |
| 3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 1.434.790.847 | 3. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 1.434.790.847 | Đổi tên |
| 4. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 14.966.000.000 | 4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 14.966.000.000 | Đổi tên |
| 5. Vay dài hạn | 334 | 22.449.000.000 | 5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 22.449.000.000 | Đổi tên |
| 6. Vốn cổ phần | 411 | 300.000.000.000 | 6. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 300.000.000.000 | Đổi tên |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 5.173.922.567 | 7. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 13.787.698.306 | Phân loại lại |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 8.613.775.739 | <i>Trình bày vào chỉ tiêu "quỹ đầu tư phát triển"</i> | | | Phân loại lại |


Phan Văn Long
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởngNguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2016